

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93 /2020/HS - ST

Ngày 22 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái

Bà Lê Thị Bích Thuần

-Thư ký phiên toà: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Phan Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1994, tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Hồng H và có 02 con, con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2013, Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 04 năm 03 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (ngày phạm tội 12 tháng 12 năm 2012, C bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11 tháng 01 năm 2013).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 72/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2013, Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ngày phạm tội 23 tháng 6 năm 2012), tổng hợp hình phạt với bản án số 44 ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện T1, buộc C phải chấp hành hình phạt chung

là 05 năm 06 tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2013.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2016, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ngày phạm tội 03 tháng 12 năm 2010), tổng hợp hình phạt với bản án số 72/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện T1, buộc C phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 01 năm 2013, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11 tháng 01 năm 2018 (được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù là 01 năm); đối với bản án số 44/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2013, C đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự và truy thu vào tháng 7 năm 2013, chấp hành xong bồi thường dân sự ngày 12 tháng 3 năm 2015; đối với bản án số 72/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2013, C đã chấp hành xong án phí sơ thẩm, án phí dân sự và truy thu vào tháng 11 năm 2013, chấp hành xong bồi thường dân sự ngày 17 tháng 6 năm 2015; đối với bản án số 16/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2016, C đã chấp hành xong án phí sơ thẩm ngày 21 tháng 6 năm 2016; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03 tháng 7 năm 2020 đến nay; “có mặt”.

2. Lê Anh T, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1989, tại xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Trần Thị D (mới kết hôn ngày 30 tháng 7 năm 2020) và có 02 con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2012, Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ngày phạm tội 22 tháng 11 năm 2011).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 121/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2012, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (ngày phạm tội 28 tháng 3 năm 2012, T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 3 năm 2012), chấp hành xong hình phạt tù chung của bản án số 50/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2012 và bản án số 121/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2012 (01 năm 09 tháng tù) vào ngày 31 tháng 10 năm 2013 (được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù là 02 tháng); chấp hành xong án phí sơ thẩm của bản án số 50/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2012 vào tháng 11 năm 2012, chấp hành xong án phí sơ thẩm của bản án số 121/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2012 vào tháng 12 năm 2012.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (ngày phạm tội 18 tháng 11 năm 2013, bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04 tháng 12 năm 2013),

chấp hành xong hình phạt tù ngày 04 tháng 12 năm 2015, chấp hành xong án phí hình sự, án phí dân sự vào tháng 6 năm 2014, về bồi thường dân sự bị hại không có đơn yêu cầu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2016, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài (ngày phạm tội 03 tháng 12 năm 2010), chấp hành xong hình phạt tù ngày 04 tháng 9 năm 2016, chấp hành xong án phí hình sự tháng 6 năm 2016.

Tại Quyết định xử phạt hành chính số 138 ngày 28 tháng 8 năm 2017, Công an huyện T1 phạt 2.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích, chấp hành xong ngày 24 tháng 10 năm 2017; bị cáo tại ngoại; “có mặt”.

-Bị hại: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

Người làm chứng:

- Bà Triệu Thị L, sinh năm 1965, “vắng mặt”.
- Bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1968, “vắng mặt”.
- Chị Trần Thị D, sinh năm 2001, “vắng mặt”.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn C và Lê Anh T có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng 09 giờ, ngày 13 tháng 3 năm 2020, Nguyễn Văn C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu, nên C đã mượn một chiếc điện thoại của người đi đường gọi điện thoại rủ T đi trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chia nhau, T đồng ý và hẹn đầu giờ chiều cùng ngày gặp C ở thôn K, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Phúc để cùng đi trộm cắp. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu trắng biển kiểm soát 88E1 – 277.33 của bạn gái là chị Trần Thị D và mang theo 01 chiếc tô vít loại 2 cạnh làm dụng cụ phá khóa đến điểm hẹn đón C. Sau đó, C trực tiếp điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88E1 – 277.33 chở T ngồi sau đi tìm ai sơ hở để trộm cắp xe mô tô. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, C điều khiển xe mô tô chở T đi đến khu vực Đồng Điều thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu biển kiểm soát 88G1 – 025.24 của chị Triệu Thị T đang dừng ở ven đường. Quan sát thấy không có người trông giữ, C nói “*Có cái xe quay lại không anh*”, T nói “*Ừ quay lại xem sao*”. Sau đó C quay xe lại và dừng xe cách chiếc xe mô tô của chị T khoảng 20m để cảnh giới, còn T xuống xe đi bộ và cầm theo 01 chiếc tô vít loại 2 cạnh đã chuẩn bị từ trước đến vị trí chiếc xe mô tô của chị T, sau đó T dùng tô vít chọc và ổ khóa điện và vặn mạnh mở khóa. Khi thấy đèn báo điện của xe sáng, T lùi xe mô tô và quay đầu ngồi lên yên xe nổ máy tăng ga đi về hướng thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên. C cũng

điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88E1 – 277.33 đi theo T thì bị người dân phát hiện và truy đuổi đến đường liên thôn thuộc địa phận Tổ dân phố L, thị trấn G, huyện B thì T bỏ lại xe mô tô của chị T và lên xe mô tô do C điều khiển tiếp tục bỏ chạy thoát.

Sau khi sự việc xảy ra, chị Triệu Thị T có đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên. Sau khi rà soát xác minh đã xác định được T và C là đối tượng trộm cắp xe mô tô của chị T nên Cơ quan điều tra đã triệu tập Lê Anh T và Nguyễn Văn C để lấy lời khai. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên T và C thừa nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng do Lê Anh T giao nộp, tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu trắng Biển kiểm soát 88E1 – 277.33 do chị Trần Thị D giao nộp. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu biển kiểm soát 88G1 – 025.24 sau khi T bỏ lại, do bị hỏng ổ khóa điện nên chị Triệu Thị T đã đi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 ở thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thay ổ khóa điện và ổ khóa cốp của xe mô tô biển kiểm soát 88G1 – 025.24 sau đó chị T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên định giá đối với chiếc xe mô tô của chị Triệu Thị T.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có Kết luận định giá số 27/KL-ĐG, kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu Biển kiểm soát 88G1 – 025.24 có trị giá 15.300.000 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng*)

Tại Cáo trạng số: 87/CT-VKSBX ngày 20 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố Nguyễn Văn C và Lê Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Văn C và Lê Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn C, đề nghị xử phạt Nguyễn Văn C từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Lê Anh T đề nghị xử phạt Lê Anh T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị hại là chị Triệu Thị T vắng mặt tại phiên tòa xong quá trình điều tra chị T trình bày và xác nhận: Chị làm thuê cho Công ty cổ phần Nam Tam Đảo, khoảng

13 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 3 năm 2020 khi chị đi đẩy cỏ ở khu vực Đ, ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, đi bằng xe mô tô biển kiểm soát 88 G1 – 025.24 và để xe cách chỗ làm việc khoảng 200m; đến khoảng 13 giờ, 30 phút cùng ngày có 02 người nam giới đeo khẩu trang sau này chị biết tên là Nguyễn Văn C và Lê Anh T đến vị trí xe của chị để phá khóa xe và nổ máy quay đầu xe về phía Ủy ban nhân dân xã Trung Mỹ thì chị hô hoán mọi người đuổi theo hai đối tượng, đến Tổ dân phố L, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì đối tượng để lại xe máy của chị và lên xe của đối tượng đi cùng bỏ trốn; chiếc xe mô tô bị hai đối tượng trộm cắp của chị là xe loại xe Honda Dream, biển kiểm soát 88 G1 – 025.24 mang tên bố chồng chị là ông Nguyễn Anh T cho vợ chồng chị làm phương tiện đi lại, có trị giá là 15.300.000đồng; sau khi bị trộm cắp chiếc xe của chị bị hỏng khóa điện và khóa bình xăng chị đã đem đi sửa chữa; trong quá trình điều tra chị cũng được trả lại xe mô tô trên, nay chị không yêu cầu đề nghị gì thêm đối với các bị cáo và không yêu cầu bồi thường đối với khóa xe bị hỏng mà chị đã sửa chữa.

Người làm chứng bà Triệu Thị L và bà Triệu Thị Đ tuy vắng mặt tại phiên tòa xong tại cơ quan điều tra đều xác nhận và biết việc có 02 thanh niên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Triệu Thị T là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên và của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn C và Lê Anh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên. Các bị cáo khai nhận: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 13 tháng 3 năm 2020, bị cáo C điều khiển xe mô tô chở bị cáo T đi đến khu vực Đ thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu biển kiểm soát 88G1 – 025.24 của chị Triệu Thị T đang dựng ở ven đường. Quan sát thấy không có người trông giữ, bị cáo C nói với bị cáo T quay lại để trộm cắp. Sau đó bị cáo C điều khiển xe và dừng xe cách chiếc xe mô tô của chị T khoảng 20m để cảnh giới,

còn bị cáo T xuống xe đi bộ và cầm theo 01 chiếc tô vít loại 2 cạnh đã chuẩn bị từ trước, lên lút đến vị trí chiếc xe mô tô của chị T, bị cáo T dùng tô vít chọc và ổ khóa điện và vặn mạnh mở khóa. Khi thấy đèn báo điện của xe sáng, bị cáo T lùi xe mô tô và quay đầu ngồi lên yên xe nổ máy tăng ga đi về hướng thị trấn G, huyện B. Bị cáo C cũng điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88E1 – 277.33 đi theo bị cáo T thì bị người dân phát hiện và truy đuổi đến đường liên thôn thuộc địa phận Tổ dân phố L, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì bị cáo T bỏ lại xe mô tô của chị T và lên xe mô tô do bị cáo C điều khiển tiếp tục bỏ chạy thoát.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng; sơ đồ hiện trường; vật chứng vụ án đã thu giữ; kết luận định giá của Hội đồng định giá cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Nguyễn Văn C và Lê Anh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự, trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này bị cáo C có vai trò chủ mưu, trực tiếp rủ rê bị cáo T phạm tội, bị cáo T có vai trò tích cực và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo; bị cáo T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự có bố là ông Lê Văn C là người có công với đất nước, được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhất vì có thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở Campuchia, đó là tình tiết giảm nhẹ để Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt; tuy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào xong có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt, bị cáo Lê Anh T còn bị xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; mặc dù các bị cáo đã được xóa án tích xong không lấy đó làm bài học cho mình, không chịu tu chí làm ăn mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh các bị cáo, bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung, cũng như để các bị cáo sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với xe mô tô Biển kiểm soát 88G1 – 025.24 xác định là tài sản của chị Triệu Thị T, Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại cho chị Triệu Thị T. Sau khi nhận lại tài sản chị T không có yêu cầu đề nghị gì; đối với chiếc ổ khóa điện và ổ khóa cốp của xe mô tô biển kiểm soát 88G1 – 025.24 bị hư hỏng, chị T đã phải sửa chữa chi phí hết 76.000đồng (*Bảy mươi sáu nghìn đồng*) xác định giá trị thấp nên không có yêu cầu T và C bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với ổ khóa điện và ổ khóa cốp xe mô tô bị hỏng do chị Triệu Thị T giao nộp để phục vụ quá trình điều tra, nay chị T không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy chiếc ổ khóa điện và ổ khóa cốp.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng số IMEI 354433065176567 của bị cáo Lê Anh T quá trình điều tra xác định dùng vào việc liên lạc với bị cáo Nguyễn Văn C để phạm tội cần tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc tô vít 2 cạnh bị cáo T sử dụng làm công cụ phạm tội, bị cáo khai đã làm rơi trong quá trình bỏ chạy nên Cơ quan điều tra không thu giữ được và chiếc điện thoại di động bị cáo C khai mượn của người không rõ danh tính dùng để liên lạc với bị cáo T đi trộm cắp, sau đó bị cáo đã trả lại cho người cho mượn nên không thu hồi được, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha màu trắng biển kiểm soát 88E1 – 277.33 của chị Trần Thị D quá trình điều tra xác định bị cáo T tự ý lấy xe mô tô đi trộm cắp, bản thân chị D không biết T lấy xe mô tô đi trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu là phù hợp nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C và Lê Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 7 năm 2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Anh T.

Xử phạt bị cáo Lê Anh T 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án,

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 01 ổ khóa điện và 01 ổ khóa cốp xe mô tô biển kiểm soát 88G1- 025.24.

Tịch thu bán phát mại, sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng số IMEI 354433065176567 của bị cáo Lê Anh T. (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên lập ngày 11 tháng 9 năm 2020).

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C và Lê Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CA huyện Bình Xuyên;
- Trại tạm giam Công an Vĩnh Phúc;
- Các Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HSVA + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tấn Tám

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Thái Lê Thị Bích Thuận

Nguyễn Tấn Tám

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CA huyện Bình Xuyên;
- Bị cáo;
- Bị hại và người có quyền lợi NV liên quan;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HSVA + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tám

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CA huyện Bình Xuyên;
- Bị cáo;
- Bị hại và người có quyền lợi NV liên quan;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HSVA + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tám

